TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/01/2018
V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phượng.

2. Ông Nguyễn Văn Trên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2017/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim A, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Số 228, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn N, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: số 423/1229, ấp A, xã MA, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Chị A có mặt, anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2017, bản trình bày ý kiến ngày 26/12/2017 và tại phiên tòa chị A trình bày:

Chị A và anh N cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống với nhau đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ cuối tháng 10/2017 đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không hợp nhau. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh N. Quá trình sống chung có 01 con chung tên Lương Thiên P, sinh ngày 01/6/2016 hiện do chị A nuôi dưỡng. Chị A yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại tờ tường trình đề ngày 25/10/2017 bị đơn anh N trình bày: Anh N và chị A cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống với nhau đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ cuối tháng 10/2017 đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không hợp nhau. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh N, anh N đồng ý. Quá trình sống chung có 01 con chung tên Lương Thiên P, sinh ngày 01/6/2016 hiện do chị A nuôi dưỡng. Anh N đồng ý để chị A tiếp tục nuôi, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Nhưng do bận công việc làm ăn anh N không đến Tòa án để tham gia hòa giải được nên anh N làm tường trình nộp cho Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh N đang sinh sống tại huyện Lấp Vò nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị A và anh N chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã T, C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/3/2016 nên hôn nhân giữa chị A và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Chị A và anh N chung sống có 01 con chung, lẽ ra chị A và anh N phải biết yêu thương, chăm sóc, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình để lo cho con. Nhưng khi xảy ra mâu thuẫn, chị A và anh N không cùng nhau chia sẻ để thông

cảm và hàn gắn tình nghĩa vợ chồng để cùng lo cho con mà mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng. Nay chị A yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý.

Tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Điều 55. Thuận tình ly hôn

Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn"

Từ nhận định và điều luật viện dẫn trên, xét thấy sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị A và anh N là phù hợp quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2] Về nuôi con chung:

Quá trình thu thập chứng cứ xác định chị A và anh N có 01 con chung tên Lương Thiên P, sinh ngày 01/6/2016 hiện do chị A nuôi dưỡng. Chị A và anh N thống nhất con chung sẽ do chị A tiếp tục nuôi dưỡng, chị A không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận này là phù hợp, Hội đồng xét xử công nhận.

Anh N không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, chị A và các thành viên trong gia đình không được cản trở, theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị A và anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị A và anh N thuận tình ly hôn, nhưng chị A tự nguyện nộp đủ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Kim A và anh Lương Văn N.

2. Về nuôi con chung:

Chị Trần Thị Kim A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lương Thiên P, sinh ngày 01/6/2016, chị Trần Thị Kim A không yêu cầu anh Lương Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lương Văn N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Trần Thị Kim A và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lương Văn N thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

Chị Trần Thị Kim A tự nguyện nộp đủ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 02047 ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Chị Trần Thị Kim A đã nộp đủ.

Chị A có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã T, C, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Kiều Tiên